

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/DS-ST
Ngày 10 tháng 7 năm 2024
V/v “*Tranh chấp về hoạt động
cung ứng dịch vụ thanh toán*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đồi

Ông Nguyễn Kim Thành

-Thư ký phiên tòa: Bà Trương Ngọc Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 về “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP S**; địa chỉ: 266 -268 đường N, Phường V, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức T - Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phương H, chức vụ: Chuyên viên khách hàng phòng giao dịch Thanh Khê (Theo Quyết định ủy quyền ký hợp đồng thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 3525/2023/QĐ-PL ngày 25/12/2023 của Tổng Giám đốc và Giấy ủy quyền ngày 27/3/2024 của Trưởng phòng Giao dịch Thanh Khê). Có mặt

- *Bị đơn:* Bà **Lê Trần Tuyết T**, sinh năm: 1983, địa chỉ: 567 đường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đại diện Ngân hàng TMCP S trình bày:

Vào ngày 04/7/2018 bà Lê Trần Tuyết T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với mức hạn sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà Linh đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền: 2.205.626.553 đồng. Lãi suất áp dụng: Lãi trong hạn 2,77%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và được Sacombank quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 2.182.404.041 đồng, thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 26 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 23/12/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Trần Tuyết T trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 10/7/2024 là 68.827.083 đồng, trong đó: dư nợ: 57.729.323 đồng; lãi trong hạn: 7.398.507 đồng; lãi quá hạn: 3.699.253 đồng. Bà Lê Trần Tuyết T có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ ngày tiếp theo ngày xét xử sở thẩm cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- Bị đơn bà Lê Trần Tuyết T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bà vẫn vắng mặt, không có ý kiến.

-Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại khoản 5 Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được

Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử và tại các phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà Lê Trần Tuyết T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 10/7/2024 là 68.827.083 đồng, trong đó: dư nợ: 57.729.323 đồng; lãi trong hạn: 7.398.507 đồng; lãi quá hạn tính đến ngày 10/7/2024: 3.699.253 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*” là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bà Lê Trần Tuyết T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử vắng bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04/7/2018, lịch sử thanh toán, lời khai của đại diện nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở xác định bà Lê Trần Tuyết T có mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP S, Bà T đã thực hiện giao dịch với số tổng tiền 2.205.626.553 đồng để sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn áp dụng 2,77%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Từ khi mở thẻ cho đến nay, bà Lê Trần Tuyết T đã thanh toán được cho Ngân hàng tổng số tiền 2.182.404.041 đồng. Bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/12/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

[2.2]. Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ nêu trên, thấy rằng việc ký kết hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên

có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên được điều chỉnh theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt.

[2.3]. Bà Lê Trần Tuyết T đã thực hiện giao dịch rút tiền trong thẻ tín dụng tuy nhiên lại không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn là đã vi phạm Điều 2 và Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S, do đó Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Lê Trần Tuyết T và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn là có cơ sở theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Trần Tuyết T phải thanh toán toàn bộ số tiền là 68.827.083 đồng, trong đó: dư nợ: 57.729.323 đồng; lãi trong hạn: 7.398.507 đồng; lãi quá hạn tính đến ngày 10/7/2024: 3.699.253 đồng, Bà T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có căn cứ theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 7, Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí tranh chấp dân sự có giá ngạch trên số tiền phải trả là $68.827.083 \text{ đồng} \times 5\% = 3.441.354 \text{ đồng}$, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[5]. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Điều 280 Bộ luật Dân sự;
- Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*” của Ngân hàng TMCP S đối với bà Lê Trần Tuyết T

1. Buộc bà Lê Trần Tuyết T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 68.827.083 đồng (Sáu mươi tám triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm tám mươi ba đồng). Trong đó:

Dư nợ gốc: 57.729.323 đồng;

Lãi tính đến ngày 10/7/2024: Lãi trong hạn: 7.398.507 đồng, lãi quá hạn: 3.699.253 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04/7/2018. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Trần Tuyết T phải chịu 3.441.354 đồng (Ba triệu, bốn trăm bốn mươi một nghìn, ba trăm năm mươi bốn đồng)

Ngân hàng TMCP S không chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 1.507.105 đồng (Một triệu, năm trăm lẻ bảy nghìn, một trăm lẻ năm đồng) Ngân hàng TMCP S đã nộp theo biên lai thu số: 0002510 ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng